

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng**
Ngành đào tạo: **Kế toán**
Tên tiếng Anh: **Accounting**
Mã ngành: **8340301**
Hình thức đào tạo: **Chính quy; Vừa làm vừa học**

Bình Định, 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3199/QĐ/ĐHQN ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo: **Kế toán**
Tên tiếng Anh: Accounting
Mã ngành: 8340301
Hình thức đào tạo: Chính quy; Vừa làm vừa học

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Thạc sĩ Kế toán là một trong những bậc đào tạo được nhiều người lựa chọn để tiếp tục củng cố và nâng cao toàn bộ kiến thức, kỹ năng, tư duy, không ngừng phát triển vị thế bản thân trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính. Học thạc sĩ Kế toán giúp người học trau dồi kinh nghiệm, linh hoạt xử lý các tình huống, phục vụ tốt công tác chuyên môn và mở rộng cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp.

Chương trình thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng trang bị các kiến thức liên quan đến kế toán tài chính nâng cao, kế toán quản trị nâng cao, phân tích tài chính doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ nâng cao,... nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và phát triển năng lực quản lý lãnh đạo từ cấp trung đến cấp cao ở cả doanh nghiệp, đơn vị hành chính, sự nghiệp, ngân hàng thương mại và các định chế tài chính.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Kế toán
2. Mã ngành đào tạo	8340301
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Thạc sĩ Kế toán
5. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
6. Số tín chỉ yêu cầu	60
7. Khoa quản lý	Khoa Kinh tế & Kế toán, Trường ĐHQ Quy Nhơn
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	2 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Người tốt nghiệp đại học ngành Kế toán, Kiểm toán, Kế toán – Kiểm toán hoặc tương đương theo

	Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT với điểm đạt từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) - Điểm bảo vệ Đề án tốt nghiệp đạt 5,5 trở lên (tính theo thang điểm 10) - Điểm TBC tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường
13. Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm cán bộ quản lý lãnh đạo từ cấp trung đến cấp cao về phụ trách tài chính – kế toán, phân tích và tư vấn tài chính, kiểm toán nội bộ, kiểm toán, định giá, tư vấn tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính (công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư,...), kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Nhà nước, Cơ quan thuế, Cơ quan bảo hiểm, công ty kiểm toán, công ty dịch vụ kế toán – kiểm toán,...; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kế toán, kiểm toán và phân tích tại các trường đại học, cao đẳng, các học viện, các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo khác về nhân lực kế toán, kiểm toán.
14. Học tập nâng cao trình độ	Học tiến sĩ của các chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán hoặc các chuyên ngành khác thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý của các trường đại học trong và ngoài nước.
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Kế toán – Kiểm toán của ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh, ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng, Học viện Tài chính, Trường ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Yuanze (Đài Loan), ĐH Quốc gia Đài Loan, ĐH Quốc gia Cheng Kung (Đài Loan), ĐH Fu Jen Catholic (Đài Loan), ĐH Quốc

□

	gia trung tâm (Đài Loan), ĐH Quốc gia Chengchi (Đài Loan), ĐH Tây Úc (Úc), ĐH Arizona (Úc), ĐH Lincoln (Úc)
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	2021

1.3. Sứ mệnh – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục

1.3.1. Sứ mệnh – Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

Trường Đại học Quy Nhơn đã xác định sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

Sứ mệnh: Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi: Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn.

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

1.3.2.1. Phát biểu Triết lý giáo dục

Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp

1.3.2.2. Ý nghĩa của Triết lý giáo dục

- Toàn diện:

Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

- Khai phóng:

Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

- Thực nghiệp:

□

□

Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Với sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi đã xác định, triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán như sau:

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán			Triết lý giáo dục của QNU		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức chung	Học phần Triết học	X		
	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành,	Các học phần lý thuyết	X	X	
		Các học phần thực tập, thực tế	X	X	X
	Dự án/Đồ án/Đề án		X	X	X
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Tổng hợp được kiến thức về kinh tế, chính trị, pháp luật về lĩnh vực kế toán, kiểm toán	X		
	PLO2	Phân tích, đánh giá được những vấn đề thực tiễn về kế toán, kiểm toán, thuế, phân tích tài chính và kinh doanh	X	X	
	PLO3	Đề xuất, kiến nghị được các giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả trong công tác kế toán, kiểm toán, tài chính	X		X
	PLO4	Thể hiện năng lực điều hành, quản lý nhóm, quản lý thời gian và tổ chức công việc một cách khoa học	X	X	X
	PLO5	Thể hiện năng lực giao tiếp và thuyết trình, năng lực sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp bằng văn bản, đạt tối thiểu bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của	X		X

□



		Việt Nam			
	PLO6	Thể hiện năng lực quản trị, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, tài chính	x	x	x
	PLO7	Thể hiện năng lực phán đoán và đưa ra các quyết định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính	x	x	x
	PLO8	Thể hiện năng lực tổng hợp, sáng tạo trong công việc chuyên môn về lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính và các lĩnh vực khác có liên quan	x	x	x
	PLO9	Đủ khả năng để học tập suốt đời, tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân	x		x
	PLO10	Thể hiện tính tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tự chịu trách nhiệm trong công tác chuyên môn	x		x

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng với mục tiêu đào tạo các nhà quản lý có năng lực lãnh đạo, có kỹ năng và kiến thức ở trình độ cao để quản lý, thiết kế và kiểm soát các hoạt động về kế toán, phân tích và hoạch định các nguồn lực tài chính ở các doanh nghiệp, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng thương mại và các định chế tài chính (gọi chung là đơn vị); có năng lực quản trị, điều hành các các tổ chức, đơn vị có quy mô lớn, đa quốc gia về lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính; có năng lực tự học, tự nghiên cứu và phát triển những tri thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán từ thực tiễn công tác.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Thạc sĩ ngành Kế toán có khả năng:

- Về kiến thức



□

+ PO1: Có hiểu biết tổng hợp về kinh tế, chính trị, pháp luật về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

+ PO2: Có kiến thức ngành, chuyên ngành ở trình độ cao để lãnh đạo, điều hành tại các tổ chức, đơn vị về công tác kế toán, kiểm toán, tài chính và để nghiên cứu, tự học cho phát triển nghề nghiệp.

- Về kỹ năng

+ PO3: Có kỹ năng lãnh đạo, làm việc nhóm và giao tiếp.

+ PO4: Có kỹ năng viết báo cáo, phân tích, tổng hợp và khai thác dữ liệu kế toán để phục vụ quản lý và điều hành trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.

+ PO5: Có tư duy phản biện, sáng tạo trong hoạt động quản lý, lãnh đạo chuyên môn về kế toán, kiểm toán và tài chính.

+ PO6: Sử dụng tốt ngoại ngữ (tiếng Anh) và công nghệ thông tin.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Có năng lực tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm trong hoạt động nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tài chính.

+ PO8: Có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tài chính.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

1.5.1. Về kiến thức

1) PLO1: Tổng hợp được kiến thức về kinh tế, chính trị, pháp luật về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

2) PLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề thực tiễn về kế toán, kiểm toán, thuế, phân tích tài chính và kinh doanh.

3) PLO3: Đề xuất, kiến nghị được các giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả trong công tác kế toán, kiểm toán, tài chính.

1.5.2. Về kỹ năng

4) PLO4: Thể hiện năng lực điều hành, quản lý nhóm, quản lý thời gian và tổ chức công việc một cách khoa học.

5) PLO5: Thể hiện năng lực giao tiếp và thuyết trình, năng lực sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp bằng văn bản, đạt tối thiểu bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

6) PLO6: Thể hiện năng lực quản trị, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, tài chính.

□

□

7) PLO7: Thể hiện năng lực phán đoán và đưa ra các quyết định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.

8) PLO8: Thể hiện năng lực tổng hợp, sáng tạo trong công việc chuyên môn về lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính và các lĩnh vực khác có liên quan.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

9) PLO9: Đủ khả năng để học tập suốt đời, tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân.

10) PLO10: Thể hiện tính tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tự chịu trách nhiệm trong công tác chuyên môn.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1	x	x								
PO2		x	x							
PO3				x	x	x				
PO4				x	x	x	x	x		
PO5						x	x	x		
PO6					x					
PO7									x	
PO8										x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Tài liệu giảng dạy, tài liệu hướng dẫn học tập, dụng cụ dạy học (nếu cần).

- Các phương pháp giảng dạy - học tập [Dạy trực tiếp/gián tiếp/trải nghiệm/tương tác/tự nghiên cứu]

+ Dạy trực tiếp: thuyết giảng, thảo luận, tham luận.

+ Dạy gián tiếp: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.

+ Học trải nghiệm: thực tập, thực tế, bài tập nhóm.

+ Dạy học tương tác: thảo luận, làm việc nhóm.

+ Tự nghiên cứu: tiểu luận, đề án.

□

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Dạy trực tiếp										
1. Thuyết giảng	x	x								
2. Tham luận	x	x	x							
II. Dạy gián tiếp										
3. Câu hỏi gợi mở	x	x	x		x				x	
4. Giải quyết vấn đề	x	x	x		x	x			x	x
III. Học trải nghiệm										
7. Thực tập, thực tế	x	x	x		x		x	x	x	x
8. Bài tập nhóm	x	x	x	x	x	x	x		x	x
IV. Dạy học tương tác										
9. Thảo luận	x	x	x	x	x	x			x	x
10. Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x			x	x
V. Tự nghiên cứu										
11. Tiểu luận	x	x	x	x		x	x	x	x	x
12. Đề án tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Chú trọng sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực người học, phát huy tối đa tính tích cực, sáng tạo, chủ động của học viên. Để thực hiện được điều này, giảng viên cần phải chú trọng phát huy các chức năng tâm lý, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo thông qua việc tạo điều kiện cho học viên được thảo luận, trình bày các quan điểm, tư duy về các vấn đề liên quan đến học phần giảng dạy; phối hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau một cách hợp lý phù hợp với từng đối tượng người học và bối cảnh cụ thể, từ đó giúp người học chủ động tự tổ chức nghiên cứu, học tập; tích cực tìm hiểu, khám phá, lĩnh hội những tri thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của học phần.

+ Sử dụng tối ưu cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy, học tập: Nhà trường cần có kế hoạch đầu tư và sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất, phương tiện, tài liệu phục vụ cho công tác cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập của giảng viên và học viên; Tăng cường và mở rộng sự hợp tác giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất, các viện, trường đại học, các tổ chức, cá nhân,... trong và ngoài nước để tạo điều kiện thuận lợi, vận động cho việc xây dựng, ứng dụng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.



1.6.2. Phương pháp đánh giá

* Thang điểm đánh giá:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong 3 nhóm trọng số		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Quá trình	<p>* Học viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình).</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.</p> <p>* Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>* Các bài tiểu luận theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên.</p>	30%	40%	50%
2	Cuối kỳ	<p>Thi kết thúc học phần</p> <p>* Hình thức thi: Viết/vấn đáp.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.</p> <p>* Hình thức thi: Bài báo cáo/thu hoạch</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức bài báo cáo/thu hoạch theo quy định của giảng viên</p>	70%	60%	50%





		<i>phụ trách giảng dạy.</i>			
--	--	-----------------------------	--	--	--

b. Học phần thực tập chuyên môn

40% điểm quá trình; 60% điểm báo cáo. Tiêu chí đánh giá: được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

c. Đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

*** Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiên trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment) và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành Kế toán.

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Đánh giá tiên trình										
1. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x			x	x	
2. Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x		x
3. Đánh giá bài kiểm tra	x	x	x		x		x	x	x	x
4. Đánh giá bài tập lớn, tiểu luận	x	x	x			x	x		x	
II. Đánh giá tổng kết										
5. Kiểm tra viết	x	x	x		x		x			x
7. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x		x		x		x	x
8. Đánh giá báo cáo/thu hoạch/đề án (nội dung và vấn đáp)	x	x	x	x		x	x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Phần kiến thức chung	4	0
	Triết học	4	0
2	Phần kiến thức cơ sở và kiến thức ngành	29	18
2.1	Các học phần bắt buộc	29	0



□

2.2	Các học phần tự chọn ²¹	0	18
3	Dự án/đồ án/đề án tốt nghiệp	9	0
Tổng:		42	18
		60	

- Phần kiến thức chung gồm 1 học phần:

Phần kiến thức chung giúp người học nâng cao đạo đức cá nhân, ý thức tuân thủ pháp luật, hiểu và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

- Phần kiến thức cơ sở và ngành gồm 24 học phần:

Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành giúp người học có kiến thức tổng hợp về kinh tế để có thể tự nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. Đồng thời, phần kiến thức này cũng trang bị những kiến thức chuyên sâu giúp người học sáng tạo trong nghề nghiệp, phát triển kỹ năng tổ chức, quản lý lẫn các mối quan hệ nghề nghiệp, xã hội. Thêm vào đó, đây cũng là khối kiến thức giúp người học nâng cao phẩm chất đạo đức, pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, ý thức cộng đồng, xã hội.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ (%)	PLOs											
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
I	Phần kiến thức chung	4	6,67												
	Triết học	4	6,67	M			L						L	L	
II	Phần kiến thức cơ sở và kiến thức ngành	56	93,33												
II.1	Các học phần bắt buộc	29	48,33	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
II.2	Các học phần tự chọn	18	30,00	M	M	M	M	M	M	M	M	L	M	H	
II.3	Đề án tốt nghiệp	9	15,00	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT, TL			
I. Phần kiến thức chung					4					

² Học phần tự chọn chiếm 30% tổng số tín chỉ

□

□

1	XHTH	501	Triết học	1	4	4			K.LLCT-L-QLNN
II. Phần kiến thức cơ sở và kiến thức ngành					56				
II.1. Phần bắt buộc					29				
2	KTVM	503	Kinh tế học vi mô nâng cao	1	2	1,6	0,4		K.KT & KT
3	KTVX	504	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	1	2	1,6	0,4		K.KT & KT
4	KTLT	512	Lý thuyết kế toán	1	3	2	1		K.KT & KT
5	KTTC	513	Kế toán tài chính nâng cao	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
6	KTQT	514	Kế toán quản trị nâng cao	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
7	KTPD	516	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT
8	KTHT	517	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3	3	2	1	KTTC 513 KTQT 514	K.KT & KT
9	KTKS	519	Kiểm soát nội bộ nâng cao	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
10	KTTM	530	Thực tập chuyên môn 1	2	4	0	4	KTTC 513	K.KT & KT
11	KTTM	531	Thực tập chuyên môn 2	3	3	0	3	KTPD 516 KTKS 519	K.KT & KT
II.2. Phần tự chọn					18				
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần</i>					<i>3/6</i>				
12	KTQH	508	Quản trị học hiện đại	1	3	2	1		K.TCNH & QTKD
13	KTKD	527	Quản trị kinh doanh quốc tế	1	3	2	1		K.TCNH & QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần</i>					<i>3/6</i>				
14	KTDL	528	Nghiên cứu định lượng trong kế toán – kiểm toán	1	3	2	1		K.KT & KT
15	KTLB	529	Phân tích dữ liệu và dự báo	1	3	2	1		K.KT & KT
<i>Tự chọn 3: Chọn 1 trong 2 học phần</i>					<i>3/6</i>				

□

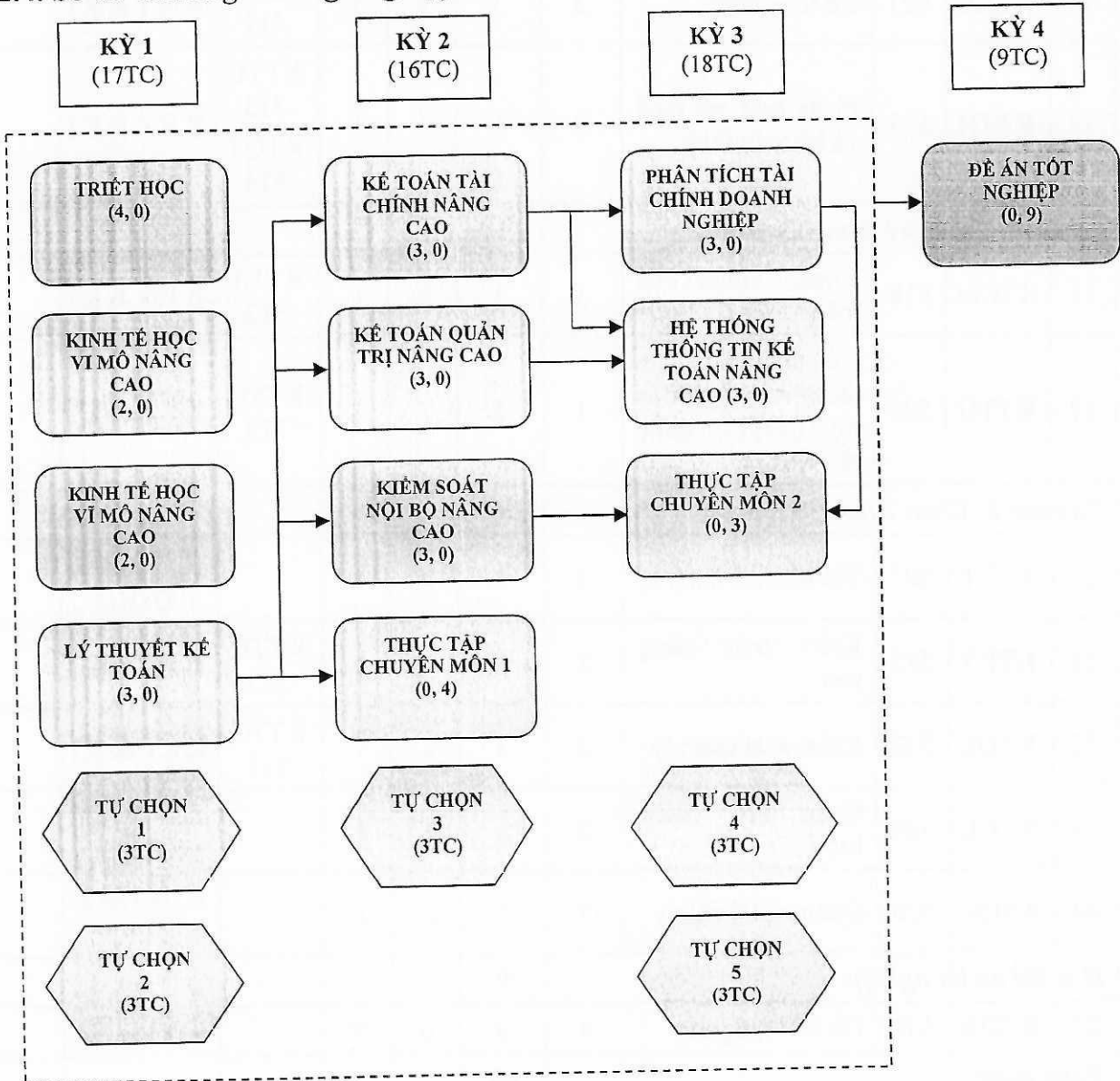
□

16	KTKC	521	Kế toán công	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
17	KTTH	523	Pháp luật về thuế và kế toán thuế	2	3	2	1	KTTC 513 KTQT 514	K.KT & KT
<i>Tự chọn 4: Chọn 1 trong 2 học phần</i>					3/6				
18	KTCM	518	Chuẩn mực kế toán	3	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
19	KTTG	520	Kế toán quốc tế nâng cao (Chuẩn mực BCTC quốc tế - IFRS)	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT
<i>Tự chọn 5: Chọn 2 trong 5 học phần</i>					6/15				
20	KTTT	507	Tài chính – Tiền tệ	3	3	2	1		K.TCNH & QTKD
21	KTKT	515	Kiểm toán nâng cao	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT
22	KTQL	522	Kiểm soát quản lý	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT
23	KTCL	524	Quản trị chiến lược	3	3	2	1		K.TCNH & QTKD
24	KTQC	526	Quản trị tài chính	3	3	2	1		K.TCNH & QTKD
II.3. Đề án tốt nghiệp					9				
25	KTDA	532	Đề án tốt nghiệp	4	9	0	9		K.KT & KT
Tổng cộng					60				

□



2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy

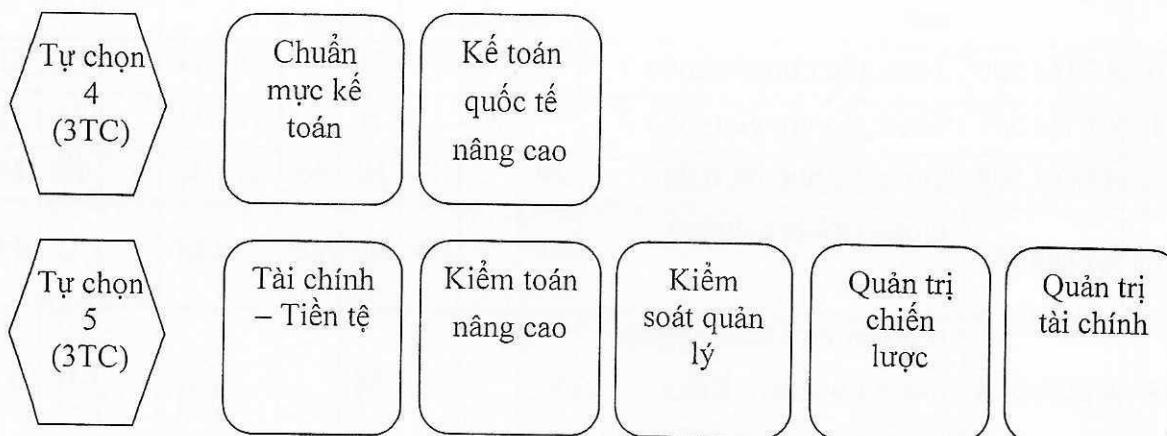


Danh sách các học phần tự chọn:

Tự chọn 1 (3TC)	Quản trị học hiện đại	QTKD quốc tế
Tự chọn 2 (3TC)	Nghiên cứu ĐL trong kế toán – kiểm toán	Phân tích dữ liệu và dự báo
Tự chọn 3 (3TC)	Kế toán công	Pháp luật về thuế và KT thuế



□



Chú thích:

	Khối kiến thức chung		Đề án tốt nghiệp
	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành		Học phần song hành

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	XHTH 501	Triết học	H			M						M	
2	KTVM 503	Kinh tế học vi mô nâng cao	H			M	L					M	M
3	KTVX 504	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	H			M	L					M	M
4	KTLT 512	Lý thuyết kế toán	M	L		M	L	L				M	M
5	KTTC 513	Kế toán tài chính nâng cao		M	M			M	H			M	M
6	KTQT 514	Kế toán quản trị nâng cao		M	H	H	M	H	H	H	H	H	H
7	KTPD 516	Phân tích tài chính doanh nghiệp		M	H	H	M	H	H	H	H	H	H
8	KTHT 517	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao		M	H	H	M	H	H	M	M	M	H

□

□

9	KTKS 519	Kiểm soát nội bộ nâng cao		M	H	H		M	M		H	H
10	KTTM 530	Thực tập chuyên môn 1		M	H	H		H	H		H	H
11	KTTM 531	Thực tập chuyên môn 2		M	H	H		H	H		H	H
12	KTQH 508	Quản trị học hiện đại	M		L	M	M	L	L		M	M
13	KTKD 527	Quản trị kinh doanh quốc tế	M		M	M	M		M		L	M
14	KTDL 528	Nghiên cứu định lượng trong kế toán – kiểm toán	M		M	M			L		L	L
15	KTLB 529	Phân tích dữ liệu và dự báo	M		M	L	M				L	L
16	KTKC 521	Kế toán công		M	M	M	M	M	M	L	M	H
17	KTTH 523	Pháp luật về thuế và kế toán thuế		M	M	M	M	M	M	L	M	H
18	KTCM 518	Chuẩn mực kế toán		M	M			M	H		M	M
19	KTTG 520	Kế toán quốc tế nâng cao (Chuẩn mực BCTC quốc tế - IFRS)		M	M	M	M		M	L	M	H
20	KTTT 507	Tài chính – Tiền tệ	M		H				H		H	
21	KTKT 515	Kiểm toán nâng cao		M	L	M	M		L		L	M
22	KTQL 522	Kiểm soát quản lý		M	L	M	M		L		L	M
23	KTCL 524	Quản trị chiến lược		M	L	M	M	L	L		M	M
24	KTQC 526	Quản trị tài chính		M	M			M	M	M	M	M
25	KTDA 532	Đề án tốt nghiệp		H	H	H	H		H		H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [XHTH 501], [Triết học], [4]

Nội dung học phần bao gồm lý thuyết và vận dụng thực tế các vấn đề lý luận chung về triết học: bản thể luận; nhận thức luận thế giới quan, phương pháp luận triết học trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng. Qua đó, học viên cũng nhận biết các vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; triết học chính trị; ý thức xã hội; triết học về con người... từ đó ứng dụng để định hướng cho người học xây dựng phương pháp, điều chỉnh hành vi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn của bản thân. Môn học này tạo nên nền tảng, cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận và lập trường tư tưởng

□

□

chính trị... để học tập những môn học sau cũng như hướng đến phục vụ cho học viên cả ở hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

2.6.2. [KTVM 503], [Kinh tế học vi mô nâng cao], [2]

Học phần vận dụng các kiến thức về cung, cầu để phân tích tác động của các chính sách của chính phủ đến lên giá cả và sản lượng cân bằng của thị trường, tổng phúc lợi xã hội và phúc lợi của các bên liên quan trên thị trường; lý thuyết về hành vi của nhà đầu tư, người kinh doanh ra trong điều kiện không chắc chắn. Học phần cũng phân tích sâu vào các cấu trúc thị trường đặc biệt là thị trường cạnh tranh không hoàn hảo. Tiếp đến là nghiên cứu thị trường yếu tố sản xuất, nghiên cứu cân bằng tổng thể và điều kiện hiệu quả trong các thị trường cạnh tranh và phân tích những thất bại của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của chính phủ.

Học phần Kinh tế vi mô nâng cao thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán. Đây là học phần cung cấp những kiến thức tạo nền tảng để học viên tiếp nhận kiến thức cho các học phần sau có liên quan của chương trình đào tạo.

2.6.3. [KTVX 504], [Kinh tế học vĩ mô nâng cao], [2]

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức kinh tế học vĩ mô nâng cao. Đặc biệt là đề cập đến những vấn đề liên quan đến nền kinh tế trong dài hạn, như sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân, tiết kiệm, đầu tư...; Đồng thời, học phần giúp học viên tìm hiểu và phân tích sâu về mô hình tổng cầu trong nền kinh tế đóng, mô hình Mundell –Fleming, mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cả trong ngắn hạn và dài hạn.

Học phần Kinh tế vĩ mô nâng cao thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán. Đây là học phần cung cấp những kiến thức tạo nền tảng để học viên tiếp nhận kiến thức cho các học phần sau có liên quan của chương trình đào tạo.

2.6.4. [KTLT 512], [Lý thuyết kế toán], [3]

Học phần này bao gồm các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết kế toán, bao gồm sự hình thành và phát triển các trường phái lý thuyết khác nhau trong kế toán, khuôn mẫu lý thuyết kế toán, vấn đề định giá trong kế toán và kế toán quốc tế.

Học phần thuộc phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học ứng dụng chuyên ngành Kế toán. Học phần Lý thuyết kế toán có quan hệ mật thiết với môn Kế toán tài chính cao cấp với vai trò lý giải và phân biệt các nguyên tắc chi phối các hệ thống kế toán tài chính hiện hành.

□

□

2.6.5. [KTTC 513], [Kế toán tài chính nâng cao], [3]

Học phần Kế toán tài chính nâng cao là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức quan trọng về kế toán hợp nhất kinh doanh và báo cáo tài chính hợp nhất, quy trình kế toán hợp nhất kinh doanh và lập báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua, các giao dịch nội bộ, lợi ích của cổ đông thiểu số, kế toán các khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và một số vấn đề mở rộng về hợp nhất kinh doanh. Từ đó, giúp học viên phát triển khả năng tiếp cận và tự nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp, có kiến thức tự tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến kế toán hợp nhất kinh doanh và lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2.6.6. [KTQT 514], [Kế toán quản trị nâng cao], [3]

Đây là học phần nhằm hoàn thiện và nâng cao kiến thức về kế toán quản trị cho các nhà quản lý trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về dự toán linh hoạt; đánh giá thành quả; quản trị chất lượng, khách hàng, nhà cung cấp và các quyết định dự toán vốn đầu tư dài hạn.

Học phần thuộc phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học ứng dụng chuyên ngành Kế toán. Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị, giúp học viên có thể phân tích kết quả hoạt động doanh nghiệp thông qua dự toán linh hoạt; đánh giá được thành quả trong các tổ chức phân quyền; thực hiện kế toán quản trị chất lượng, khách hàng, nhà cung cấp và đưa ra được các quyết định dự toán vốn đầu tư dài hạn. Từ đó, học viên có kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị để có thể tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán.

2.6.7. [KTPD 516], [Phân tích tài chính doanh nghiệp], [3]

Trong chương trình cao học ngành kế toán, các kiến thức được cung cấp trong học phần này một mặt giúp người học cơ sở để tiếp cận những phương pháp xử lý kế toán trong môi trường tài chính hiện đại, mặt khác trang bị các kiến thức và kỹ năng tài chính cho công việc quản trị tài chính, kế toán ở cấp cao trong các tổ chức.

Các nội dung được giảng dạy ở bậc cao học kế thừa các kiến thức cơ sở ở bậc đại học, bổ sung thêm những nội dung mới và cập nhật những kiến thức cao cấp chưa được giảng dạy ở bậc đại học.

2.6.8. [KTHT 517], [Hệ thống thông tin kế toán nâng cao], [3]

Đây là học phần nhằm hoàn thiện và nâng cao kiến thức về áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán.

□

□

Học phần thuộc phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học ứng dụng chuyên ngành Kế toán. Trên cơ sở học viên đã nắm được các nội dung trong kế toán tài chính nâng cao, kế toán quản trị nâng cao, học phần này sẽ giúp học viên hiểu rõ vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán, có kiến thức chuyên sâu về tổ chức phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán, có khả năng thực hiện công tác của chuyên viên phân tích hệ thống.

2.6.9. [KTKS 519], [Kiểm soát nội bộ nâng cao], [3]

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về kiểm soát nội bộ trong một đơn vị bao gồm: Kiểm soát nội bộ trong hệ thống quản lý, khuôn mẫu kiểm soát nội bộ, kiểm soát nội bộ trong một số lĩnh vực cụ thể, kiểm soát nội bộ một số phần hành trong doanh nghiệp.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành kế toán. Trên cơ sở học viên đã nắm vững kiến thức lý thuyết kế toán học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kiểm soát nội bộ cho học viên.

2.6.10. [KTTM 530], [Thực tập chuyên môn 1], [4]

Học phần Thực tập chuyên môn 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Học phần này đưa học viên tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp, tập đoàn, đơn vị sự nghiệp, đơn vị hành chính, các tổ chức tài chính tại một số địa phương trong nước. Qua đó, giúp học viên nắm bắt được một số mô hình quản lý kế toán, quy trình kế toán, quy trình lập các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị nội bộ tại các đơn vị khác nhau, cũng như thể chế quản lý khác nhau ảnh hưởng đến công tác kế toán. Từ đó, giúp học viên phát triển khả năng tiếp cận và tự nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp, có kiến thức tự tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp kế toán và phát triển nghề nghiệp của bản thân sau khi tốt nghiệp.

2.6.11. [KTTM 531], [Thực tập chuyên môn 2], [3]

Học phần Thực tập chuyên môn 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Học phần này đưa học viên tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp, tập đoàn, các tổ chức tài chính tại một số địa phương trong nước. Qua đó, giúp học viên nắm bắt được hoạt động phân tích tài chính và kiểm soát nội bộ của các đơn vị. Từ đó, giúp học viên phát triển khả năng tiếp cận và tự nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp, có kiến thức tự tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp phân tích tài chính, kiểm soát nội bộ và phát triển nghề nghiệp của bản thân sau khi tốt nghiệp.

2.6.12. [KTQH 508], [Quản trị học hiện đại], [3]

Học phần trang bị cho học viên những khái niệm, nội dung cơ bản về tổ chức, quản trị; cách tiếp cận và nắm bắt các lý thuyết quản trị; kiến thức và kỹ năng thực hiện

□

□

các chức năng quản trị; khả năng giải quyết các bài tập tình huống quản trị và rút ra những phương pháp và nguyên tắc chung có thể ứng dụng trong thực tiễn. Học phần giúp học viên nâng cao năng lực trong việc phát huy tài năng và sức lực của cấp dưới hướng vào thực hiện mục tiêu của công ty và ứng phó hiệu quả với môi trường kinh doanh thay đổi. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kinh tế vi mô nâng cao, kinh tế vĩ mô nâng cao, quản trị chiến lược và các chức năng hỗ trợ khác trong tổ chức.

2.6.13. [KTKD 527], [Quản trị kinh doanh quốc tế], [3]

Học phần quản trị kinh doanh quốc tế trang bị các kiến thức và kỹ năng trong phân tích các vấn đề về toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; môi trường kinh doanh quốc tế; các hoạt động thương mại quốc tế và hoạt động kinh doanh của các công ty, đặc biệt các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia. Học phần cũng cung cấp những kiến thức chuyên sâu về chiến lược kinh doanh quốc tế và các hình thức xâm nhập thị trường nước ngoài, cách thức triển khai hoạt động kinh doanh quốc tế. Từ đó, giúp người học có thể phân tích, đánh giá tình hình thị trường, lựa chọn chiến lược xâm nhập và kinh doanh thành công trên thương trường quốc tế. Học phần có quan hệ hỗ trợ liên ngành với các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.14. [KTDL 528], [Nghiên cứu định lượng trong kế toán - kiểm toán], [3]

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về phương pháp nghiên cứu kế toán-kiểm toán và những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong lĩnh vực này bao gồm các phương pháp chọn mẫu, kiểm định giả thuyết nghiên cứu, ứng dụng mô hình hồi quy tuyến tính, mô hình hồi quy binary logistic và mô hình phân tích nhân tố khám phá.

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong khuôn khổ chương trình Thạc sĩ ngành Kế toán. Học phần sẽ giúp người học có kỹ năng cơ bản về các phương pháp định lượng trong lĩnh vực kế toán, tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này cũng như vận dụng để ra quyết định trong những tình huống thực tế.

2.6.15. [KTLB 529], [Phân tích dữ liệu và dự báo], [3]

Học phần Phân tích dữ liệu và dự báo trang bị cho người học những kiến thức về một số phương pháp dự báo trong kinh tế - xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp.

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán. Học phần sẽ giúp người học có kỹ năng cơ bản về dự báo và các phương pháp dự báo trong kinh tế - xã hội, tạo nền tảng cho việc học tập

□

□

và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này cũng như vận dụng để dự báo ra quyết định trong thực tế.

2.6.16. [KTKC 521], [Kế toán công], [3]

Học phần này giới thiệu các nội dung kiến thức về kế toán khu vực công gồm: giới thiệu hệ thống chuẩn mực kế toán công của Việt Nam, so sánh với chuẩn mực kế toán công quốc tế, cung cấp kiến thức về kế toán Ngân sách nhà nước, kế toán Kho bạc nhà nước, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán ở cơ quan thu, kế toán các đơn vị đặc thù.

Các nội dung được giảng dạy ở bậc cao học kế thừa các kiến thức cơ sở của kế toán hành chính sự nghiệp ở bậc đại học, bổ sung thêm những nội dung mới và cập nhật những kiến thức chưa được giảng dạy ở bậc đại học.

2.6.17. [KTTH 523], [Pháp luật về thuế và kế toán thuế], [3]

Nội dung học phần bao gồm kiến thức chung về thuế và các sắc thuế chủ yếu trong hệ thống thuế Việt Nam và kế toán liên quan đến các sắc thuế đó. Nội dung kiến thức của học phần đòi hỏi người học phải hiểu sâu sắc nội dung những sắc thuế chủ yếu trong hệ thống thuế Việt Nam và công tác kế toán có liên quan đến các sắc thuế đó.

Học phần thuộc phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học ứng dụng chuyên ngành Kế toán. Trên cơ sở học viên đã nắm được các nội dung trong kế toán tài chính nâng cao, kế toán quản trị nâng cao, học phần này sẽ giúp học viên có những hiểu biết đầy đủ và thực hiện tốt công tác kế toán có liên quan đến lệ phí môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

2.6.18. [KTCM 518], [Chuẩn mực kế toán], [3]

Học phần Chuẩn mực kế toán là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của Chương trình đào tạo. Học phần này giúp học viên hiểu được quá trình hình thành và ban hành Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, cung cấp cho học viên những nội dung cơ bản của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và hướng dẫn vận dụng các Chuẩn mực kế toán vào thực tiễn công tác kế toán, giúp học viên tiếp cận và tuân thủ các chuẩn mực để tránh những sai phạm về công tác kế toán, nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp và kỹ năng hành nghề trong bối cảnh kế toán Việt Nam đang từng bước hội nhập quốc tế.

2.6.19. [KTTG 520], [Kế toán quốc tế nâng cao], [3]

Học phần Kế toán quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Học phần này cung cấp cho học viên những nội dung cơ bản của Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), giúp học viên tiếp cận với các thông lệ quốc tế về lập và trình bày báo cáo tài chính, hiểu về khuôn mẫu lý thuyết Chuẩn mực báo cáo tài

□

□

chính quốc tế, nắm bắt các Chuẩn mực kế toán quốc tế về hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, doanh thu. Từ đó, học viên phát triển khả năng tiếp cận và tự nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp, có kiến thức tự tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán.

2.6.20. [KTTT 507], [Tài chính – Tiền tệ], [3]

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

2.6.21. [KTKT 515], [Kiểm toán nâng cao], [3]

Học phần Kiểm toán nâng cao phát triển các kiến thức chuyên sâu về kiểm toán độc lập và những hoạt động kiểm toán khác trong nền kinh tế thị trường; tiếp cận dưới góc độ hệ thống hóa các vấn đề lý luận và cập nhật những xu hướng phát triển mới hiện nay trong lĩnh vực kiểm toán trên thế giới.

Học phần Kiểm toán nâng cao có quan hệ mật thiết với các môn học khác trong chương trình cao học ngành Kế toán về quy trình kiểm toán tại các đơn vị, bổ sung cho các học phần khác cách thức tiếp cận dưới góc độ cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn cho doanh nghiệp.

2.6.22. [KTQL 522], [Kiểm soát quản lý], [3]

Học phần Kiểm soát quản lý phát triển các kiến thức về kiểm soát quản lý, hành vi trong tổ chức; trung tâm trách nhiệm, tính giá chuyển giao và lập dự toán hoạt động tiếp cận dưới góc độ hệ thống hóa các vấn đề lý luận và cập nhật những xu hướng mới trong kiểm soát quản lý hiện nay.

Học phần Kiểm soát quản lý có quan hệ mật thiết với các môn học khác trong chương trình cao học ngành Kế toán về các vấn đề kiểm soát tại các đơn vị, bổ sung cho các học phần khác cách thức tiếp cận dưới góc độ kiểm soát của nhà quản lý tại các đơn vị.

2.6.23. [KTCL 524], [Quản trị chiến lược], [3]

Học phần trang bị cho học viên những khái niệm, nội dung cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược theo các tiếp cận quy trình từ hoạch định đến triển khai và kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Đồng thời, học phần cũng cung cấp những mô hình, phương pháp và những công cụ kỹ thuật giúp sinh viên có thể thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phân tích, đánh giá môi trường, xây dựng và lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp. Các chiến lược trong thực tiễn cũng được trình bày một cách sinh động, được hệ thống và tìm ra đặc trưng giúp học viên có thể nhận biết và vận dụng trong thực tế hoạt động kinh doanh.

□

□

2.6.24. [KTQC 526], [Quản trị tài chính], [3]

Học phần này nhằm mục tiêu giúp học viên hiểu sâu hơn những lĩnh vực quan trọng của tài chính doanh nghiệp, trang bị cho học viên những học thuyết, nguyên tắc và kỹ thuật nâng cao để ra ba quyết định tài chính quan trọng nhất: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Học viên được làm quen với những vấn đề chính mà một người quản lý tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: Phân tích và quyết định đầu tư tài sản ngắn hạn; Phân tích và quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp; Quyết định cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn; Quyết định chính sách cổ tức; Nhận dạng và đo lường rủi ro tài chính.

2.6.25. [KTDA 532], [Đề án tốt nghiệp], [9]

Đề án tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn và nghiên cứu khoa học của học viên dựa trên một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại các đơn vị khảo sát/đối tượng khảo sát; mức độ vững chắc về kiến thức và lý luận; khả năng ứng dụng các lý luận vào thực tiễn để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và năng lực chuyên môn.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán. Trên cơ sở học viên đã nắm vững kiến thức lý thuyết kế toán, kế toán tài chính nâng cao, hệ thống thông tin kế toán, phân tích tài chính doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ nâng cao,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, phân tích tài chính, kiểm soát nội bộ và các kỹ năng nghề nghiệp của học viên.

Bình Định, ngày 03 tháng 12 năm 2021

TRƯỜNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

TRƯỜNG



PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

PGS.TS. Hồ Xuân Quang

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

□